

Số: *02* /2019/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *09* tháng *01* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 27/8/2016 và được điều chỉnh tại Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Thực hiện Công văn số 196/TT.HĐND ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái về việc điều chỉnh quy mô trường, điểm trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 201/TTr-SGDĐT-SNV ngày 25 tháng 12 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh Đề án sắp xếp quy mô, mạng lưới trường, lớp đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Yên Bái, giai đoạn 2016-2020 được phê duyệt tại Quyết định số 24/2016/QĐ-UBND ngày 27/8/2016 và điều chỉnh theo Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 05/10/2017, cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh mục tiêu Đề án

Điều chỉnh quy mô trường, điểm trường thực hiện trong năm học 2018-2019: Tăng 03 trường, tăng 10 điểm trường (5 điểm trường mầm non, 5 điểm trường tiểu học) so với mục tiêu ban đầu của Đề án. Cụ thể, đến năm 2020, sau khi điều chỉnh, các trường mầm non, phổ thông công lập khối cấp huyện có 402 trường, 291 điểm trường. *(Chi tiết trường, điểm trường đến năm 2020 trong phụ lục 1 kèm theo)*

Đối với số lớp: Do thực hiện điều chỉnh số điểm trường lẻ và quy mô học sinh tăng, dẫn đến số lớp sẽ điều chỉnh tăng để đáp ứng quy mô thực tế.

Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Đề án đã được phê duyệt.

2. Phương án điều chỉnh cụ thể trong năm học 2018-2019

a) Không thực hiện sáp nhập 3 đơn vị trường học, cụ thể

- Trường Mầm non Kim Nội với trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học và Trung học cơ sở Kim Nội (huyện Mù Cang Chải).

- Trường Phổ thông dân tộc bán trú Tiểu học Mỏ Vàng với trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Mỏ Vàng (huyện Văn Yên).

- Trường Tiểu học Phong Dụ Thượng với trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Phong Dụ Thượng (huyện Văn Yên).

b) Điều chỉnh không sáp nhập 10 điểm trường:

- 5 điểm trường mầm non có khoảng cách so với điểm trường chính từ 3-4 km trở lên, giao thông đi lại khó khăn (qua đèo, suối...), tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn cho học sinh đến trường (huyện Văn Yên: 3 điểm, huyện Lục Yên: 2 điểm).

- 4 điểm trường tiểu học có từ lớp 1 đến lớp 5 và quy mô ổn định trên 100 học sinh, cơ sở vật chất được xây dựng từ bán kiên cố trở lên (huyện Văn Chấn: 3 điểm, huyện Văn Yên: 1 điểm).

- 1 điểm trường tiểu học có khoảng cách xa (7 km), giao thông đi lại khó khăn, nguy cơ bỏ học cao (huyện Văn Yên).

c) Điều chỉnh lùi thời gian thực hiện sáp nhập đối với 47 điểm trường vào năm 2019, 2020 do chưa đảm bảo cơ sở vật chất ở điểm trường sáp nhập về; cụ thể: Thị xã Nghĩa Lộ: 1 điểm, huyện Văn Chấn: 25 điểm, Trấn Yên: 5 điểm, Văn Yên: 11 điểm, Lục Yên: 4 điểm, Trạm Tấu: 1 điểm.

(Chi tiết điều chỉnh không sáp nhập điểm trường và lùi thời gian sáp nhập điểm trường trong phụ lục 2 kèm theo)

Điều 2. Quyết định có hiệu lực từ ngày 19 tháng 01 năm 2019.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: *B*

- Như Điều 3;
- Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra văn bản);
- Công TTĐT tỉnh;
- Báo Yên Bái;
- Đài PTTH tỉnh;
- Phó Chánh VP ĐĐBQH, HĐND&UBND tỉnh;
- Phòng HCTC (đăng Công báo);
- Các chuyên viên tham mưu;
- Lưu: VT, VX. *B*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Dương Văn Tiến

**QUỸ MÔ, MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP ĐẾN NĂM 2020
SAU KHI ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN**

(Kèm theo Quyết định số: **02** /2019/QĐ-UBND ngày **09** /01/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

Số TT	Danh mục	Số trường, điểm trường đến năm 2020 theo Quyết định 24/2016/QĐ-UBND		Số trường, điểm trường đến năm 2020 theo Quyết định 18/2017/QĐ-UBND		Số trường, điểm trường đến năm 2020 theo phương án điều chỉnh năm 2018		Số trường, điểm trường đến năm 2020 sau điều chỉnh năm 2017 và 2018	
		Trường	Điểm trường	Trường	Điểm trường	Trường	Điểm trường	Trường	Điểm trường
TOÀN TỈNH		379	161	399	281	3	10	402	291
1	Mầm non	141	153	161	243	1	5	162	248
2	Tiểu học	44	8	50	38	2	5	52	43
3	THCS	50		50		2		52	
4	MN - TH	7		1				1	
5	TH-THCS	104		117		-2		115	
6	MN-TH&THCS	33		20				20	
I	TP YÊN BÁI	34		36				36	
1	Mầm non	12		14				14	
2	Tiểu học	6		8				8	
3	THCS	5		5				5	
4	MN - TH	2							
5	TH-THCS	6		6				6	
6	MN-TH&THCS	3		3				3	
II	TX NGHĨA LỘ	14	2	15	2			15	2
1	Mầm non	6	1	7	1			7	1
2	Tiểu học	1	1	1	1			1	1
3	THCS	1		1				1	
4	MN - TH								
5	TH-THCS	5		6				6	
6	MN-TH&THCS	1							
III	VĂN CHÁN	73	50	79	69		3	79	72
1	Mầm non	23	50	29	58			29	58
2	Tiểu học	13		17	11		3	17	14
3	THCS	17		17				17	
4	MN - TH	5		1				1	
5	TH-THCS	10		12				12	
6	MN-TH&THCS	5		3				3	
IV	TRẦN YÊN	45	22	45	26			45	26
1	Mầm non	17	20	17	20			17	20
2	Tiểu học	3	2	3	6			3	6
3	THCS	4		4				4	
4	MN - TH								

Số TT	Danh mục	Số trường, điểm trường đến năm 2020 theo Quyết định 24/2016/QĐ-UBND		Số trường, điểm trường đến năm 2020 theo Quyết định 18/2017/QĐ-UBND		Số trường, điểm trường đến năm 2020 theo phương án điều chỉnh năm 2018		Số trường, điểm trường đến năm 2020 sau điều chỉnh năm 2017 và 2018	
		Trường	Điểm trường	Trường	Điểm trường	Trường	Điểm trường	Trường	Điểm trường
5	TH-THCS	16		16				16	
6	MN-TH&THCS	5		5				5	
V	VĂN YÊN	54	16	59	59	2	5	61	64
1	Mầm non	21	16	26	50		3	26	53
2	Tiểu học	5		5	9	2	2	7	11
3	THCS	6		6		2		8	
4	MN - TH								
5	TH-THCS	16		21		-2		19	
6	MN-TH&THCS	6		1				1	
VI	YÊN BÌNH	51		53	1			53	1
1	Mầm non	20		22	1			22	1
2	Tiểu học	4		4				4	
3	THCS	4		4				4	
4	MN - TH								
5	TH-THCS	17		19				19	
6	MN-TH&THCS	6		4				4	
VII	LỤC YÊN	50	12	51	32		2	51	34
1	Mầm non	19	10	20	24		2	20	26
2	Tiểu học	5	2	5	8			5	8
3	THCS	6		6				6	
4	MN - TH								
5	TH-THCS	15		16				16	
6	MN-TH&THCS	5		4				4	
VIII	TRẠM TÁU	26	18	26	37			26	37
1	Mầm non	12	15	12	34			12	34
2	Tiểu học		3		3				3
3	THCS	1		1				1	
4	MN - TH								
5	TH-THCS	13		13				13	
6	MN-TH&THCS								
IX	Mù Cang Chải	32	41	35	55	1		36	55
1	Mầm non	11	41	14	55	1		15	55
2	Tiểu học	7		7				7	
3	THCS	6		6				6	
4	MN - TH								
5	TH-THCS	6		8				8	
6	MN-TH&THCS	2							

TỔNG HỢP ĐIỀU CHỈNH ĐỀ ÁN SẮP XẾP QUY MÔ, MẠNG LƯỚI TRƯỜNG LỚP

(Kèm theo Quyết định số: **02** /2019/QĐ-UBND ngày **09** /01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

SỐ TT	DANH MỤC	TOÀN TỈNH	THÀNH PHỐ YÊN BÁI	THỊ XÃ NGHĨA LỘ	HUYỆN							Ghi chú	
					VĂN CHẤN	TRẦN YÊN	VĂN YÊN	YÊN BÌNH	LỤC YÊN	TRẠM TÁU	MŨ CANG CHẢI		
I	Dừng sáp nhập trường	3					2					1	
II	Điều chỉnh không sáp nhập điểm trường	10	0	0	3	0	5	0	2	0	0	0	
	- Mầm non	5					3		2				
	- Tiểu học	5			3		2						
III	Điểm trường lùi thời gian sáp nhập	47	0	1	25	5	11	0	4	1	0	0	
	- Mầm non	29		1	8	5	10		4	1			
	- Tiểu học	18			17		1						
IV	Kế hoạch sáp nhập năm học 2018-2019	65	0	0	14	11	15	13	10	1	1	1	
	- Mầm non	36			9	5	4	8	9	1			
	- Tiểu học	29			5	6	11	5	1		1	1	